

Đơn vị: TRƯỜNG THCS SÀO NAM
Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCSSN ngày / / 2025)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Sào Nam công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2026 như sau:

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực quý 1 năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2				3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				

	Học phí				
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện quý 1 năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.916.500.000	2.280.000.000		
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Hải Châu, ngày 08 tháng 01 năm 2026
Hiệu trưởng

Trần Thị Thuỳ Trang

Đơn vị: TRƯỜNG THCS SÀO NAM
Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCSSN ngày / / 2025)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Sào Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2025 như sau:

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực quý 4 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2				3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				

1	Lệ phí				
2	Phí				
	Học phí				
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 4 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.521.966.000	2.907.674.202		
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.521.966.000	2.907.674.202		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.447.916.000	2.509.654.202	29.7%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.074.050.000	398.020.000	37.05%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Hải Châu, ngày 08 tháng 01 năm 2026

Hiệu trưởng

Trần Thị Thuỳ Trang